



Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số	44/2011/QĐ-TTg	ngày 27 tháng 3 năm 2001
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	3600495818	ngày 16 tháng 5 năm 2001
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 16 tháng 5 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Thái Văn Chuyện Ông Nguyễn Văn Lộc Ông Phạm Đình Mạnh Thu Bà Đặng Huỳnh Ước My Ông Tống Thông Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch Phó Chủ tịch (từ ngày 1 tháng 10 năm 2013) Phó Chủ tịch (đến ngày 1 tháng 10 năm 2013) Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Bùi Văn Lang Ông Nguyễn Văn Lộc Ông Trần Tựu Ông Phạm Công Hải Ông Lê Quang Hải Ông Lê An Khang Ông Nguyễn Hoàng Tuấn Ông Nguyễn Tiến Cường Bà Trần Quế Trang	Quyền Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 10 năm 2013) Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 10 năm 2013) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 19 tháng 5 năm 2013) Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 7 năm 2013) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 6 năm 2013) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 16 tháng 9 năm 2013) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 11 năm 2013)
Ban Kiểm soát	Ông Lê Văn Hòa Bà Nguyễn Thùy Vân Ông Lê Nho Định Ông Võ Văn Nhu Bà Trần Mỹ Phân	Trưởng ban Thành viên (từ ngày 20 tháng 4 năm 2013) Thành viên (từ ngày 20 tháng 4 năm 2013) Thành viên (đến ngày 20 tháng 4 năm 2013) Thành viên (đến ngày 20 tháng 4 năm 2013)
Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 Phường An Bình Thành phố Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 54 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc 


Ông Thái Văn Chuyện
Chủ tịch

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2014



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến 54.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

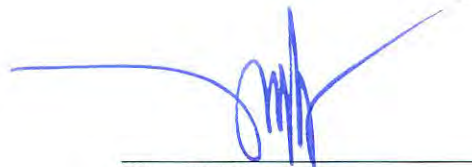
Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 13-01-299



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Lâm Thị Ngọc Hào
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0866-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01– DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.392.367.727.510	1.449.664.542.552
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	238.161.759.461	98.510.525.054
Tiền	111		108.161.759.461	45.433.625.054
Các khoản tương đương tiền	112		130.000.000.000	53.076.900.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	44.240.000.000	16.500.000.000
Các khoản phải thu	130	6	704.022.496.700	288.388.632.935
Phải thu khách hàng	131		225.036.601.371	66.590.334.584
Trả trước cho người bán	132		448.600.216.276	201.581.112.001
Các khoản phải thu khác	135		36.950.604.489	22.396.947.247
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.564.925.436)	(2.179.760.897)
Hàng tồn kho	140	7	334.116.679.395	812.667.262.165
Hàng tồn kho	141		334.116.679.395	812.667.262.165
Tài sản ngắn hạn khác	150		71.826.791.954	233.598.122.398
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.851.100.547	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.992.127.554	17.922.834.078
Tài sản ngắn hạn khác	158	8	60.983.563.853	215.675.288.320
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		804.900.387.245	658.942.812.905
Các khoản phải thu dài hạn	210	6	77.928.943.311	53.354.780.087
Phải thu dài hạn khác	218		77.928.943.311	53.354.780.087
Tài sản cố định	220		633.989.164.903	521.242.562.379
Tài sản cố định hữu hình	221	9	518.732.817.178	308.322.753.613
Nguyên giá	222		920.926.606.959	674.833.566.885
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(402.193.789.781)	(366.510.813.272)
Tài sản cố định vô hình	227	10	9.052.172.298	10.158.401.275
Nguyên giá	228		18.598.131.931	18.518.781.931
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.545.959.633)	(8.360.380.656)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	106.204.175.427	202.761.407.491

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	85.955.836.150	65.473.300.000
Đầu tư vào công ty con	251		22.000.000.000	22.000.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		7.200.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258		61.020.063.384	44.527.884.439
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(4.264.227.234)	(1.054.584.439)
Tài sản dài hạn khác	260		7.026.442.881	18.872.170.439
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	6.720.818.466	15.154.122.740
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	305.624.415	891.822.699
Tài sản dài hạn khác	268		-	2.826.225.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.197.268.114.755	2.108.607.355.457
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.349.477.840.813	1.534.491.948.341
Nợ ngắn hạn	310		1.252.374.895.306	1.427.057.299.554
Vay ngắn hạn	311	15	942.986.651.315	995.494.593.762
Phải trả người bán	312	16	55.866.602.487	123.176.951.724
Người mua trả tiền trước	313	17	132.457.564.324	14.046.550.963
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	6.231.300.174	17.534.381.069
Phải trả người lao động	315		12.762.988.411	20.314.437.607
Chi phí phải trả	316	19	9.756.024.269	5.767.497.037
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	82.956.419.194	243.713.645.405
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	21	9.357.345.132	7.009.241.987
Vay và nợ dài hạn	330		97.102.945.507	107.434.648.787
Phải trả dài hạn khác	333		2.307.850.000	-
Vay dài hạn	334	22	94.795.095.507	107.434.648.787
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		847.790.273.942	574.115.407.116
Vốn chủ sở hữu	410	23	847.790.273.942	574.115.407.116
Vốn cổ phần	411	24	629.949.180.000	314.974.590.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		39.817.240.000	39.817.240.000
Quỹ đầu tư phát triển	417	26	105.138.664.571	87.752.273.950
Quỹ dự phòng tài chính	418	26	31.036.946.843	25.241.483.303
Lợi nhuận chưa phân phối	420		41.848.242.528	106.329.819.863
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.197.268.114.755	2.108.607.355.457

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	19.684.955.396	215.359.222
Nợ khó đòi đã xử lý	10.818.724.834	10.876.024.834
Ngoại tệ (Đô la Mỹ) (“USD”)	16.910.546.034	2.595.314.399
Ngoại tệ (Euro) (“EUR”)	7.200.750	6.840.238

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Đỗ Thị Thùy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ngô Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng



Thái Văn Chuyển
Chủ tịch

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	01	27	2.937.706.965.994	3.058.708.266.242
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	1.973.213.457	1.551.764.143
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	27	2.935.733.752.537	3.057.156.502.099
Giá vốn hàng bán	11	28	2.698.239.492.332	2.781.198.865.084
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		237.494.260.205	275.957.637.015
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	54.295.064.350	56.580.332.250
Chi phí tài chính	22	30	110.826.264.182	50.473.008.914
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>105.356.519.541</i>	<i>50.777.977.065</i>
Chi phí bán hàng	24		91.068.742.758	72.410.250.323
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		40.403.781.473	47.195.766.387
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		49.490.536.142	162.458.943.641
Thu nhập khác	31		1.090.765.066	801.007.934
Chi phí khác	32		311.159.211	678.366.024
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		779.605.855	122.641.910
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		50.270.141.997	162.581.585.551
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	10.779.025.401	46.309.832.433
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	586.198.284	362.482.311
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		38.904.918.312	115.909.270.807

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ngô Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng



Thái Văn Chuyển
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		50.270.141.997	162.581.585.551
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		21.339.578.577	50.608.613.568
Các khoản dự phòng	03		7.594.807.334	279.265.424
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(450.923.580)	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(430.031.762)	(338.328.451)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(1.841.999.087)	(9.647.951.833)
Thu nhập lãi từ các khoản ứng trước cho nông dân trồng mía và cho người bán	05		(49.299.893.238)	(41.700.600.279)
Thu nhập cổ tức từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn	05		(2.691.624.000)	-
Chi phí lãi vay	06		105.356.519.541	50.777.977.065
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		129.846.575.782	212.560.561.045
Biến động các khoản phải thu	09		(253.942.681.987)	(268.153.318.145)
Biến động hàng tồn kho	10		478.550.582.770	(238.578.760.910)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(120.644.857.585)	(72.858.120.864)
Biến động chi phí trả trước	12		2.022.601.868	(7.233.963.665)
			235.832.220.848	(374.263.602.539)
Tiền lãi vay đã trả	13		(105.551.925.927)	(50.571.426.850)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(17.768.632.965)	(15.943.231.255)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		5.134.075.000	2.826.225.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(11.561.009.352)	(15.344.621.007)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		106.084.727.604	(453.296.656.651)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(135.822.092.934)	(164.104.939.947)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		725.545.454	422.263.636
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	25		(7.200.000.000)	-
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	25		(44.240.000.000)	-
Tiền thu/(tiền chi) vào tiền gửi có kỳ hạn	25		16.500.000.000	(16.500.000.000)
Tiền chi đầu tư cổ phiếu dài hạn	25		(16.492.178.945)	(35.527.884.439)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn	26		-	23.794.650.000
Tiền thu lãi và cổ tức	27		32.805.437.775	22.210.924.403
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(153.723.288.650)	(169.704.986.347)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu			314.974.590.000	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		3.833.398.811.757	2.141.031.541.924
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.898.095.383.904)	(1.504.153.056.593)
Tiền trả cổ tức	36		(62.988.222.400)	(94.135.001.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		187.289.795.453	542.743.483.631
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		139.651.234.407	(80.258.159.367)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		98.510.525.054	178.768.684.421
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	238.161.759.461	98.510.525.054

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ngô Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng



Thái Văn Chuyên
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường; trồng mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp; và tư vấn kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 11 năm 2006 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 11 năm 2006 và chính thức giao dịch vào ngày 20 tháng 12 năm 2006.

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Các chi nhánh và nhà máy khác trực thuộc Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm:

- Nhà máy Đường Biên Hòa – Tây Ninh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 450300000501 cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001, đặt tại Quốc lộ 22B, Ấp Tân Phước, Phường Tân Bình, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
- Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4713000435 cấp ngày 7 tháng 12 năm 2007, đặt tại Thôn 1, Xã Trị An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.
- Xí nghiệp Nông nghiệp Thành Long được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-010 cấp ngày 15 tháng 7 năm 2009, đặt tại Thôn Thành Đông, Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh. Xí nghiệp Nông nghiệp Thành Long đã ngừng hoạt động kể từ ngày 25 tháng 3 năm 2013 theo Quyết định số 071/2013/QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị.
- Chi nhánh Đà Nẵng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3213000033 cấp ngày 11 tháng 6 năm 2001, đặt tại số 120, Đường Ông Ích Khiêm, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh Cần Thơ được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5713000208 cấp ngày 8 tháng 6 năm 2001, đặt tại số 550, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ. Chi nhánh Cần Thơ đã ngừng hoạt động kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2013 theo Quyết định số 129/2013/QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818008-008 cấp ngày 15 tháng 9 năm 2003, đặt tại số 24, Đường Nguyễn Trường Tộ, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh Hồ Chí Minh đã ngừng hoạt động kể từ ngày 21 tháng 1 năm 2013 theo Quyết định số 09/2013/QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 1.198 nhân viên (31/12/2012: 1.206 nhân viên).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc, và khi cần thiết, trừ đi các khoản dự phòng giảm giá của khoản đầu tư dài hạn này. Công ty có lập báo cáo tài chính hợp nhất mà trong đó báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất với báo cáo tài chính của Công ty. Công ty phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản trả trước cho người bán

Bao gồm trong các khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn của Công ty được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2013, Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản phẩm để tính chi phí khấu hao cho các tài sản cố định hữu hình liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất tại nhà máy Tây Ninh và Trị An và phương pháp khấu hao theo đường thẳng cho toàn bộ tài sản cố định hữu hình còn lại.

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2013, Công ty thay đổi phương pháp tính khấu hao cho tài sản cố định tại nhà máy Tây Ninh và Trị An từ phương pháp khấu hao theo sản lượng sản phẩm sang phương pháp khấu hao theo đường thẳng theo Điều 13 Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Theo đó, Công ty không được áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản phẩm cho các tài sản này do các nhà máy này đang hoạt động dưới công suất thiết kế. Phương pháp tính khấu hao điều chỉnh được áp dụng từ ngày 1 tháng 7 năm 2013.

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2013, Công ty cũng điều chỉnh thời gian hữu dụng của toàn bộ tài sản cố định hữu hình khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo Điều 10 Thông tư 45 và để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của các tài sản này. Thời gian hữu dụng ước tính trước và sau khi điều chỉnh như sau:

	Trước	Sau
▪ nhà cửa và vật kiến trúc	3 – 15 năm	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 12 năm	10 – 20 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 6 năm	8 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm	10 năm

Thời gian hữu dụng ước tính của nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị tại nhà máy Tây Ninh và Trị An vượt quá quy định của Thông tư 45. Công ty đã báo cáo và được Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai phê duyệt các ước tính này.

Ảnh hưởng đến khấu hao trong năm do thay đổi phương pháp khấu hao và thời gian hữu dụng ước tính là giảm 12.448 triệu VND chi phí khấu hao.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

(ii) Chi phí phát triển

Chi phí cho các hoạt động phát triển mà thông qua các hoạt động này các kết quả nghiên cứu được áp dụng vào việc lập kế hoạch hoặc thiết kế các quy trình sản xuất và sản xuất các sản phẩm mới hoặc được cải tiến đáng kể, sẽ được vốn hóa nếu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất đó khả thi về mặt kỹ thuật và thương mại và Công ty có đủ nguồn lực để hoàn tất việc triển khai. Các chi phí phát triển được vốn hóa bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ thích hợp. Các chi phí phát triển khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh. Chi phí phát triển đã vốn hóa được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong đó giá trị hao mòn lũy kế được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 15 năm.

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng hỗ trợ nông dân trồng mía

Dự phòng hỗ trợ nông dân trồng mía liên quan đến các chi phí hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân trồng mía trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Việc ước tính được dựa trên kinh nghiệm, sự kiện và ước tính tốt nhất từ Ban Tổng Giám đốc. Một điều chắc chắn rằng các thông tin và sự kiện nêu trên có thể sẽ thay đổi trong các năm tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được dùng để lập các báo cáo tài chính định kỳ.

(m) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ dựa trên quyết định của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(q) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo nghị quyết của các cổ đông tại đại hội đồng cổ đông hàng năm.

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(s) Doanh thu tài chính

(i) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(x) Các bên liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty mẹ cao cấp nhất và các công ty con và công ty liên kết của các nhà đầu tư này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	383.769.197	138.460.068
Tiền gửi ngân hàng	107.777.990.264	45.295.164.986
Các khoản tương đương tiền	130.000.000.000	53.076.900.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	238.161.759.461	98.510.525.054

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản cho bên thứ ba vay với thời gian đáo hạn dưới 1 năm kể từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay này hưởng lãi suất năm từ 10% đến 11% trong năm.

6. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu từ các cổ đông		
Thương mại	61.251.771.724	-
Phi thương mại	1.191.892.388	-
Phải thu từ công ty con		
Thương mại	-	3.813.196.752

Các khoản phải thu thương mại và phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 15 - 20 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán là khoản trả trước cho các bên liên quan, chi tiết như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trả trước cho các cổ đông	47.416.415.799	-
Trả trước cho công ty con	5.817.167.834	-
Trả trước cho các công ty liên quan	100.266.666.666	-

Các khoản trả trước cho các công ty liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 7% đến 8,5% trong năm.

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán và khoản phải thu dài hạn khác là khoản trả trước cho nông dân trồng mía, chi tiết như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trả trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	175.994.849.174	165.650.908.796
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	77.928.943.311	53.354.780.087
	253.923.792.485	219.005.688.883

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo một phần bằng quyền sử dụng đất của nông dân, hưởng lãi suất tháng cố định là 1% trong năm (2012: 1,125%/tháng). Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được thu hồi trong thời hạn từ 1 đến 4 năm theo từng lần giải ngân.

Trong năm, Công ty đã cần trừ 180.213.515.725 VND khoản trả trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (2012: 201.144.901.582 VND).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu lãi từ nông dân trồng mía	12.862.384.111	9.873.511.970
Thuế nhập khẩu được hoàn lại	12.748.998.324	-
Phí thu hoạch vụ mùa và phí vận chuyển phải thu từ nông dân trồng mía	7.843.887.058	11.568.439.445
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	797.980.851	518.962.994
Thuế thu nhập cá nhân trả hộ nhân viên	358.730.467	272.237.838
Phải thu khác	2.338.623.678	163.795.000
	36.950.604.489	22.396.947.247

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ là 225.037 triệu VND (31/12/2012: 66.590 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi đường	-	3.986.106.057
Nguyên vật liệu	52.738.299.288	519.372.395.143
Công cụ và dụng cụ	20.379.311.879	13.629.171.965
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	119.438.572.016	177.199.904.361
Thành phẩm	140.751.951.416	98.237.780.198
Hàng hóa	808.544.796	241.904.441
	334.116.679.395	812.667.262.165

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 328.144 triệu VND (31/12/2012: 380.405 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 60.083 triệu VND (31/12/2012: 215.019 triệu VND) được vay từ Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam theo hợp đồng vay tài sản ngày 1 tháng 10 năm 2012 (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

8. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng cho người lao động	898.710.919	395.720.624
Ký quỹ ngắn hạn (*)	60.083.475.900	215.279.567.696
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.377.034	-
	60.983.563.853	215.675.288.320

- (*) Bao gồm trong ký quỹ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là khoản ký quỹ cho Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Vinamilk”) với giá trị ghi sổ 60.083 triệu VND (31/12/2012: 215,019 triệu VND) để đảm bảo cho hàng tồn kho đi vay theo hợp đồng vay tài sản ngày 1 tháng 10 năm 2012. Theo hợp đồng này, khoản vay hàng hóa từ Vinamilk không chịu lãi. Công ty sẽ hoàn trả đường với giá trị tương đương hàng hóa đã vay cho Vinamilk trong năm 2014 theo hợp đồng sửa đổi ngày 6 tháng 1 năm 2014. Khoản ký quỹ sẽ được Vinamilk hoàn trả trước khi nhận lại hàng hóa cho vay.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Dụng cụ văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	115.996.286.278	529.581.469.573	7.573.385.762	21.682.425.272	674.833.566.885
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	29.405.315.172	219.887.038.524	1.538.046.050	-	250.830.399.746
Phân loại lại sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(985.230.764)	-	-	-	(985.230.764)
Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(83.073.147)	(1.746.236.554)	(935.110.233)	-	(2.764.419.934)
Phân loại lại	-	(73.000.000)	-	73.000.000	-
Thanh lý	-	(361.436.045)	-	(626.272.929)	(987.708.974)
Số dư cuối năm	144.333.297.539	747.287.835.498	8.176.321.579	21.129.152.343	920.926.606.959
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	76.842.316.697	277.562.123.935	3.852.438.964	8.253.933.676	366.510.813.272
Khấu hao trong năm	4.894.374.022	31.062.987.750	663.010.457	1.988.476.871	38.608.849.100
Phân loại lại sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(861.723.698)	-	-	-	(861.723.698)
Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(32.011.248)	(850.847.140)	(489.095.223)	-	(1.371.953.611)
Phân loại lại	-	(73.000.000)	-	73.000.000	-
Thanh lý	-	(65.922.353)	-	(626.272.929)	(692.195.282)
Số dư cuối năm	80.842.955.773	307.635.342.192	4.026.354.198	9.689.137.618	402.193.789.781
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	39.153.969.581	252.019.345.638	3.720.946.798	13.428.491.596	308.322.753.613
Số dư cuối năm	63.490.341.766	439.652.493.306	4.149.967.381	11.440.014.725	518.732.817.178

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

- (*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 13).

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản với nguyên giá 104.822 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 105.100 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 445.695 triệu VND (31/12/2012: 254.068 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí phát triển VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	14.759.072.958	2.826.617.042	933.091.931	18.518.781.931
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	79.350.000	79.350.000
Số dư cuối năm	14.759.072.958	2.826.617.042	1.012.441.931	18.598.131.931
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	6.035.234.287	2.325.146.369	-	8.360.380.656
Khấu hao trong năm	735.530.256	202.227.237	247.821.484	1.185.578.977
Số dư cuối năm	6.770.764.543	2.527.373.606	247.821.484	9.545.959.633
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	8.723.838.671	501.470.673	933.091.931	10.158.401.275
Số dư cuối năm	7.988.308.415	299.243.436	764.620.447	9.052.172.298

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản với nguyên giá 380 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 394 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 6.365 triệu VND (31/12/2012: 8.931 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	202.761.407.491	193.114.401.508
Tăng trong năm	154.276.942.434	166.305.251.478
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình – thuần	123.507.066	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(250.830.399.746)	(156.658.245.495)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(79.350.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(47.931.818)	-
Số dư cuối năm	106.204.175.427	202.761.407.491

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, không có chi phí xây dựng cơ bản dở dang (31/12/2012: 49.278 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 9.083 triệu VND (31/12/2012: 2.200 triệu VND).

Trong năm, chi phí khấu hao được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 18.455 triệu VND trong thời gian chạy thử của các dự án hoàn thiện dây chuyền và nâng cấp chất lượng sản phẩm của nhà máy Tây Ninh và nhà máy Trị An.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013				31/12/2012			
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào công ty con:								
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hải Vi (*)	-	100%	100%	22.000.000.000	-	100%	100%	22.000.000.000
Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào các công ty liên kết:								
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công (**)	720.000	24%	24%	7.200.000.000	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu của:								
▪ Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	750.000	5%	5%	9.000.000.000	750.000	5%	5%	9.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai	2.942.688	11,15%	11,15%	47.227.472.034	1.740.700	10%	10%	34.125.093.029
▪ Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	400.920	0,66%	0,66%	4.792.591.350	100.000	0,33%	0,33%	1.402.791.410
				61.020.063.384				44.527.884.439
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				(4.264.227.234)				(1.054.584.439)
				85.955.836.150				65.473.300.000

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

- (*) Công ty TNHH Một Thành Viên Hải Vi (“Hải Vi”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900244283-1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 7 năm 2010. Trụ sở chính của Hải Vi đặt tại Thôn Thành Tân, Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của Hải Vi là trồng mía, sản xuất và kinh doanh phân bón và vật tư nông nghiệp.
- (**) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công (“Mía đường Thành Thành Công”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Trụ sở chính của Mía đường Thành Thành Công đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống, phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía đường.

Biến động của các khoản đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	66.527.884.439	72.239.701.076
Tăng trong năm	23.692.178.945	35.527.884.439
Thanh lý	-	(41.239.701.076)
Số dư cuối năm	90.220.063.384	66.527.884.439

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	1.054.584.439	19.463.991.076
Tăng dự phòng trong năm	4.261.435.824	1.054.584.439
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(17.445.051.076)
Hoàn nhập	(1.051.793.029)	(2.018.940.000)
Số dư cuối năm	4.264.227.234	1.054.584.439

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

13. Chi phí trả trước dài hạn

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	15.154.122.740	7.920.159.075
Tăng trong năm	7.864.509.958	20.599.915.744
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	47.931.818	-
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình – thuần (*)	1.392.466.323	-
Phân bổ trong năm	(17.738.212.373)	(13.365.952.079)
Số dư cuối năm	6.720.818.466	15.154.122.740

- (*) Việc phân loại lại từ tài sản cố định phản ánh giá trị còn lại của các tài sản hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên, theo quy định tại Điều 3 Thông tư 45. Các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình trong kỳ (Thuyết minh 9). Giá trị còn lại của các tài sản có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu VND được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại nhưng không quá ba năm.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận liên quan đến chênh lệch tạm thời từ khấu hao tài sản cố định.

15. Vay ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	885.329.866.995	956.477.480.427
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22)	57.656.784.320	39.017.113.335
	942.986.651.315	995.494.593.762

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
▪ Khoản vay 1 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (a)	VND	226.033.983.508	299.122.416.178
▪ Khoản vay 2 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Thương mại Chinatrust (b)	VND	59.900.000.000	65.527.418.493
▪ Khoản vay 3 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) (c)	VND	107.018.280.244	120.346.203.334
▪ Khoản vay 4 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam) (d)	VND	45.370.232.500	137.916.528.000
▪ Khoản vay 5 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam) (e)	USD	103.707.078.000	-
▪ Khoản vay 6 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (f)	VND	67.745.300.000	33.710.000.000
▪ Khoản vay 7 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (g)	VND	224.297.523.733	299.854.914.422
▪ Khoản vay 8 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam (h)	VND	31.907.851.888	-
▪ Khoản vay 9 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (i)	VND	19.349.617.122	-
		885.329.866.995	956.477.480.427

Các khoản vay bằng VND và USD chịu lãi suất năm lần lượt từ 6,4% đến 7,5% (2012: từ 6,05% đến 13%) và 3% (2012: từ 5,5% đến 5,72%) trong năm.

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 400.000 triệu VND (31/12/2012: 400.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại Xí nghiệp Nông nghiệp Thành Long, máy móc và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ lần lượt là 1.234 triệu VND, 1.843 triệu VND và 200.000 triệu VND (31/12/2012: lần lượt là 1.621 triệu VND, 3.327 triệu VND, 200.000 triệu VND).
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 156.180 triệu VND hoặc 7,5 triệu USD (31/12/2012: 156.180 triệu VND hoặc 7,5 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ là 83.204 triệu VND (31/12/2012: 23.674 triệu VND).
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 122.861 triệu VND hoặc 5,9 triệu USD (31/12/2012: 122.861 triệu VND hoặc 5,9 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại nhà máy Tây Ninh với giá trị ghi sổ là 5.131 triệu VND (31/12/2012: 5.366 triệu VND).
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150.000 triệu VND hoặc 7 triệu USD (31/12/2012: 145.768 triệu VND hoặc 7 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ lần lượt là 8.618 triệu VND và 140.459 triệu VND (31/12/2012: quyền sử dụng đất tại nhà máy Tây Ninh, hàng tồn kho và khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ lần lượt là 1.944 triệu VND, 137.917 triệu VND và 42.916 triệu VND).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 12 triệu USD. Khoản vay này cũng được đảm bảo bằng tài sản đảm bảo cho khoản vay 4.
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150.000 triệu VND (31/12/2012: 150.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 67.745 triệu VND (31/12/2012: 2.574 triệu VND).
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 300.000 triệu VND (31/12/2012: 300.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ lần lượt là 51.781 triệu VND và 1.374 triệu VND (31/12/2012: hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 41.795 triệu VND). Một phần hàng tồn kho này cũng được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn (f) là 7.063 triệu VND (31/12/2012: 1.881 triệu VND).
- (h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND hoặc 2 triệu USD. Khoản vay này được ngân hàng cho vay tín chấp.
- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND. Khoản vay này được ngân hàng cho vay tín chấp.

16. Các khoản phải trả người bán

Bao gồm trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả các cổ đông	-	7.979.128.344
Phải trả công ty con	938.945.399	441.907.165

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 7 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

17. Người mua trả tiền trước

Bao gồm trong khoản người mua trả tiền trước có khoản trả trước từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trả trước từ các cổ đông	-	9.363.095.534
Trả trước từ các bên liên quan khác	535.619.788	691.229.641

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.165.777.347	11.155.384.911
Thuế giá trị gia tăng	1.754.656.445	6.066.070.669
Thuế tiêu thụ đặc biệt	147.189.363	181.140.714
Thuế nhập khẩu	-	3.416.313
Các loại thuế khác	163.677.019	128.368.462
	6.231.300.174	17.534.381.069

19. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí vận chuyển	2.438.630.578	2.365.675.733
Chi phí lãi vay	2.211.455.360	2.406.861.746
Chi phí hỗ trợ nông dân trồng mía	569.719.875	20.340.087
Chi phí khác	4.536.218.456	974.619.471
	9.756.024.269	5.767.497.037

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Khoản vay hàng tồn kho từ Vinamilk (Thuyết minh 7)	60.083.475.900	215.019.000.000
Khoản vay từ Công đoàn	2.758.535.555	15.183.780.818
Cổ tức phải trả	1.660.640.700	1.653.945.100
Phí thu hoạch vụ mùa và phí vận chuyển ký quỹ phải trả cho nông dân trồng mía	11.649.193.744	2.131.902.134
Khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	3.300.610.989	-
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	901.215.042	150.453.892
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	717.200.000	930.440.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.885.547.264	8.644.123.461
	82.956.419.194	243.713.645.405

21. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	7.009.241.987	16.083.209.257
Phân bổ từ lợi nhuận giữ lại	13.909.112.497	4.270.648.883
Sử dụng quỹ	(11.561.009.352)	(13.344.616.153)
Số dư cuối năm	9.357.345.132	7.009.241.987

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

22. Vay dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	152.451.879.827	146.451.762.122
Hoàn trả trong vòng mười hai tháng (Thuyết minh 15)	(57.656.784.320)	(39.017.113.335)
	94.795.095.507	107.434.648.787

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
▪ Khoản vay 1 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (a)	VND	2014	11.891.900.000	23.792.900.000
▪ Khoản vay 2 từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (b)	VND	2018	18.397.536.611	22.077.043.932
▪ Khoản vay 3 từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam (c)	VND	2020	12.275.425.200	14.288.396.000
▪ Khoản vay 4 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (d)	VND	2015	16.500.000.000	28.250.000.000
▪ Khoản vay 5 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (e)	VND	2015	5.949.825.000	7.649.825.000
▪ Khoản vay 6 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (f)	VND	2017	30.305.701.572	36.367.201.572
▪ Khoản vay 9 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (g)	VND	2018	7.431.185.030	-
▪ Khoản vay 10 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (h)	VND	2015	20.030.482.213	14.026.395.618
▪ Khoản vay 11 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (i)	VND	2018	29.669.824.201	-
			152.451.879.827	146.451.762.122

Các khoản vay chịu lãi suất năm từ 3,9% đến 12,9% (2012: từ 3,9% đến 14,5%) trong năm.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- (a) Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc tại nhà máy Tây Ninh với giá trị ghi sổ là 49.187 triệu VND (31/12/2012: 57.223 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được hoàn trả trong 3 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 2.975 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 2.966 triệu VND vào ngày 25 tháng 12 năm 2014.
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 51.513 triệu VND và được ngân hàng cho vay tín chấp. Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được hoàn trả trong 5 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 3.680 triệu VND. Lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả vào ngày 20 tháng 9 năm 2018.
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 30.195 triệu VND và được ngân hàng cho vay tín chấp. Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được hoàn trả trong 12 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.006 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 198 triệu VND vào ngày 15 tháng 4 năm 2020.
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 40.000 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc tại nhà máy Biên Hòa với giá trị ghi sổ là 24.500 triệu VND (31/12/2012: 21.328 triệu VND) và nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và dụng cụ văn phòng tại nhà máy Tây Ninh với giá trị ghi sổ lần lượt là 6.039 triệu VND, 70.857 triệu VND và 220 triệu VND (31/12/2012: lần lượt là 6.266 triệu VND, 76.012 triệu VND và 382 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được hoàn trả trong 6 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 2.350 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 2.400 triệu VND vào ngày 22 tháng 9 năm 2015.
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 7.700 triệu VND và được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển với giá trị ghi sổ là 4.199 triệu VND (31/12/2012: 4.972 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được hoàn trả trong 7 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 850 triệu VND. Lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả vào ngày 21 tháng 9 năm 2015.
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 40.000 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc tại nhà máy Tây Ninh với giá trị ghi sổ là 82.130 triệu VND (31/12/2012: 49.278 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được hoàn trả trong 14 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 2.021 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 2.019 triệu VND vào ngày 8 tháng 11 năm 2017.
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 24.000 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc tại nhà máy Tây Ninh với giá trị ghi sổ là 37.525 triệu VND. Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được hoàn trả trong 17 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 437 triệu VND. Lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả vào ngày 26 tháng 3 năm 2018.
- (h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 32.000 triệu VND và được đảm bảo bằng nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc, dụng cụ văn phòng và phương tiện vận tải tại nhà máy Trị An với giá trị ghi sổ lần lượt là 19.808 triệu VND, 53.289 triệu VND, 1.895 triệu VND và 1.126 triệu VND (31/12/2012: lần lượt là 20.680 triệu VND, 59.210 triệu VND, 2.406 triệu VND và không). Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được hoàn trả trong 7 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 2.493 triệu VND, một kỳ trả 461 triệu VND vào ngày 25 tháng 12 năm 2015 và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 2.117 triệu VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.
- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 48.212 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị tại nhà máy Trị An với giá trị ghi sổ là 93.077 triệu VND. Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được hoàn trả trong 16 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.817 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 595 triệu VND vào ngày 25 tháng 3 năm 2018.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	299.975.800.000	39.817.240.000	65.413.962.846	17.795.379.602	-	130.188.620.522	553.191.002.970
Phát hành cổ phiếu	14.998.790.000	-	-	-	-	(14.998.790.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	115.909.270.807	115.909.270.807
Cổ tức	-	-	-	-	-	(89.992.740.000)	(89.992.740.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.270.648.883)	(4.270.648.883)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	22.338.311.104	7.446.103.701	721.477.778	(30.505.892.583)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(721.477.778)	-	(721.477.778)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	314.974.590.000	39.817.240.000	87.752.273.950	25.241.483.303	-	106.329.819.863	574.115.407.116
Phát hành cổ phiếu	314.974.590.000	-	-	-	-	-	314.974.590.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	38.904.918.312	38.904.918.312
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(62.994.918.000)	(62.994.918.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	(13.909.112.497)	(13.909.112.497)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	17.386.390.621	5.795.463.540	3.300.610.989	(26.482.465.150)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(3.300.610.989)	-	(3.300.610.989)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	629.949.180.000	39.817.240.000	105.138.664.571	31.036.946.843	-	41.848.242.528	847.790.273.942

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****24. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và phát hành – Mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	62.994.918	629.949.180.000	31.497.459	314.974.590.000
Cổ phiếu lưu hành – Mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	62.994.918	629.949.180.000	31.497.459	314.974.590.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2013		2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	31.497.459	314.974.590.000	29.997.580	299.975.800.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	31.497.459	314.974.590.000	-	-
Cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP trong năm (*)	-	-	1.499.879	14.998.790.000
Số dư cuối năm	62.994.918	629.949.180.000	31.497.459	314.974.590.000

- (*) Đại hội Cổ đông của Công ty vào ngày 20 tháng 4 năm 2012 và Hội đồng Quản trị họp vào ngày 24 tháng 8 năm 2012 quyết định phát hành cổ phiếu cho nhân viên theo chương trình Kế hoạch thực hiện quyền sở hữu cổ phần cho người lao động với số lượng 1.499.879 cổ phiếu, từ lợi nhuận chưa phân phối là 14.999 triệu VND.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

25. Cổ tức

Đại hội Cổ đông của Công ty vào ngày 20 tháng 4 năm 2013 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 47.246 triệu VND tương đương 1.500 VND mỗi cổ phiếu cho cổ tức đợt 2 của lợi nhuận năm 2012. Ngoài ra, ngày 25 tháng 9 năm 2013 Hội đồng Quản trị đã quyết định phân phối khoản cổ tức 15.749 triệu VND tương đương 500 VND một cổ phiếu cho cổ tức đợt 1 của lợi nhuận năm 2013 (2012: khoản cổ tức 44.996 triệu VND tương đương 1.500 VND mỗi cổ phiếu cho cổ tức đợt 2 của lợi nhuận năm 2011 và khoản cổ tức 44.996 triệu VND tương đương 1.500 VND mỗi cổ phiếu cho cổ tức đợt 1 của lợi nhuận năm 2012).

26. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm đối phó với những rủi ro kinh doanh chung của Công ty trong tương lai.

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Trong năm, theo nghị quyết của Đại hội cổ đông, Công ty đã trích 3.301 triệu VND để thành lập quỹ quản lý (2012: 721 triệu VND). Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích khen thưởng và sử dụng cho hoạt động quản trị của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị của Công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****27. Doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	2.912.707.741.899	3.034.815.197.891
▪ Cung cấp dịch vụ	24.999.224.095	23.893.068.351
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(232.826.916)	(209.476.445)
▪ Thuế tiêu thụ đặc biệt	(1.740.386.541)	(1.342.287.698)
Doanh thu thuần	<u>2.935.733.752.537</u>	<u>3.057.156.502.099</u>

28. Giá vốn hàng bán

	2013 VND	2012 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	2.686.156.608.842	2.761.510.029.403
▪ Dịch vụ đã cung cấp	12.082.883.490	19.688.835.681
	<u>2.698.239.492.332</u>	<u>2.781.198.865.084</u>

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2013 VND	2012 VND
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	1.841.999.087	9.647.951.833
Lãi từ khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	31.539.704.686	41.700.600.279
Lãi từ trả trước cho người bán và cho các công ty khác vay	17.760.188.552	2.157.836.746
Cổ tức từ đầu tư cổ phiếu	2.691.624.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	461.548.025	2.462.259.403
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	611.683.989
	54.295.064.350	56.580.332.250

30. Chi phí tài chính

	2013 VND	2012 VND
Chi phí lãi vay	105.356.519.541	50.777.977.065
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	4.261.435.824	1.054.584.439
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.051.793.029)	(2.018.940.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	210.288.756	194.263.694
Chi phí tài chính khác	2.049.813.090	465.123.716
	110.826.264.182	50.473.008.914

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****31. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	11.736.097.112	22.641.440.328
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(957.071.711)	23.668.392.105
	10.779.025.401	46.309.832.433
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	586.198.284	362.482.311
	11.365.223.685	46.672.314.744

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	50.270.141.997	162.581.585.551
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.567.535.499	24.387.237.833
Ưu đãi thuế	-	(2.992.793.652)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với hoạt động thương mại và các khoản thu nhập khác	-	214.158.191
Chi phí không được khấu trừ thuế	427.665.897	1.395.320.267
Thu nhập không chịu thuế	(672.906.000)	-
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(957.071.711)	23.668.392.105
	11.365.223.685	46.672.314.744

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Thuế suất áp dụng

Hoạt động sản xuất

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (2001 đến 2012) và 25% cho những năm tiếp theo.

Hoạt động thương mại

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (2001 đến 2012) và 25% cho những năm tiếp theo.

Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác sẽ chịu thuế suất 25.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

32. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban quản lý rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Tổng Giám đốc.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, các khoản trả trước cho nông dân trồng mía và các khoản đầu tư vào công cụ nợ.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (*)	237.777.990.264	98.372.064.986
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (**)	44.240.000.000	16.500.000.000
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác (***)	260.852.073.688	88.326.502.170
Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía (****)	248.493.999.221	217.486.707.647
	791.364.063.173	420.685.274.803

(*) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

() Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty phân tích riêng biệt độ tin cậy của khả năng trả nợ. Việc trích lập dự phòng cho giảm giá trị được thực hiện khi Ban Giám đốc thấy cần thiết và theo yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty tin rằng, không có khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn nào cần thiết phải lập cho các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn này.

(*) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Ngoài ra, khách hàng cần phải ứng tiền trước đối với tất cả các yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong hạn	180.746.910.807	59.480.209.794
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	4.280.257.536	28.195.382.107
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	75.310.403.823	55.054.363
Quá hạn trên 180 ngày	1.649.633.694	1.256.635.567
	261.987.205.860	88.987.281.831

(**) Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía**

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản trả trước cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách trả trước mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân. Hơn nữa, người nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Công ty và khoản này sẽ được cân trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản trả trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty. Người nông dân có số dư trả trước quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản đầu tư mới.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Tuổi nợ của các khoản trả trước cho nông dân trồng mía tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong hạn	245.717.629.221	216.812.392.888
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	-	173.000.000
Quá hạn trên 180 ngày	8.206.163.264	2.020.295.995
	253.923.792.485	219.005.688.883

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	2.179.760.897	10.154.767.211
Tăng dự phòng trong năm	4.930.186.268	981.626.913
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(8.714.823.052)
Hoàn nhập	(545.021.729)	(241.810.175)
Số dư cuối năm	6.564.925.436	2.179.760.897

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện khó khăn về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	885.329.866.995	901.505.748.356	901.505.748.356	-	-	-
Phải trả người bán	55.866.602.487	55.866.602.487	55.866.602.487	-	-	-
Phải trả người lao động	12.762.988.411	12.762.988.411	12.762.988.411	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	82.956.419.194	82.956.419.194	82.956.419.194	-	-	-
Chi phí phải trả	9.756.024.269	9.756.024.269	9.756.024.269	-	-	-
Vay và nợ dài hạn						
Vay dài hạn	152.451.879.827	180.469.603.797	71.236.610.146	50.308.204.839	56.655.057.493	2.269.731.319
Nợ dài hạn khác	2.307.850.000	2.307.850.000	-	2.307.850.000	-	-
	1.201.431.631.183	1.245.625.236.514	1.134.084.392.863	52.616.054.839	56.655.057.493	2.269.731.319

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	956.477.480.427	975.782.090.905	975.782.090.905	-	-	-
Phải trả người bán	123.176.951.724	123.176.951.724	123.176.951.724	-	-	-
Phải trả người lao động	20.314.437.607	20.314.437.607	20.314.437.607	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	243.713.645.405	243.713.645.405	243.713.645.405	-	-	-
Chi phí phải trả	5.767.497.037	5.767.497.037	5.767.497.037	-	-	-
Vay và nợ dài hạn						
Vay dài hạn	146.451.762.122	178.731.004.360	52.643.383.979	46.497.447.202	71.332.526.443	8.257.646.736
	1.495.901.774.322	1.547.485.627.038	1.421.398.006.657	46.497.447.202	71.332.526.443	8.257.646.736

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD) và Euro (EUR).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	803.237	250	124.489	250
Tài sản tiền tệ khác	-	-	10.746	1.340
Phải trả người bán	(77.276)	(1.165)	(453.730)	(7.865)
	725.961	(915)	(318.495)	(6.275)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
1 USD	21.051	20.824
1 EUR	28.803	27.361

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, việc đồng USD mạnh thêm 1% và đồng EUR mạnh thêm 5% không có ảnh hưởng trọng yếu đến lãi thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua hàng.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(ii) *Rủi ro lãi suất***

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản nợ phải trả của Công ty với giá trị ghi sổ là 995.216 triệu VND chịu lãi suất thả nổi. Hiện tại Công ty không có chính sách để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	130.000.000.000	53.076.900.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	44.240.000.000	16.500.000.000
Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía	248.493.999.221	217.486.707.647
Vay dài hạn	(42.564.861.811)	(60.158.339.932)
	380.169.137.410	226.905.267.715
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	107.777.990.264	45.295.164.986
Vay ngắn hạn	(885.329.866.995)	(956.477.480.427)
Vay dài hạn	(109.887.018.016)	(86.293.422.190)
	(887.438.894.747)	(997.475.737.631)

Việc tăng 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 6.656 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty (31/12/2012: 8.479 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	44.240.000.000	(*)	16.500.000.000	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	237.777.990.264	237.777.990.264	98.372.064.986	98.372.064.986
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	260.852.073.688	(*)	88.326.502.170	(*)
- Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía	248.493.999.221	(*)	217.486.707.647	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	56.755.836.150	(**)	43.473.300.000	(**)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	138.823.021.681	(*)	366.890.597.129	(*)
- Nợ phải trả ngắn hạn khác	22.519.012.680	(*)	26.081.934.644	(*)
- Vay ngắn hạn	885.329.866.995	(*)	956.477.480.427	(*)
- Vay dài hạn	152.451.879.827	(*)	146.451.762.122	(*)
- Nợ phải trả dài hạn khác	2.307.850.000	(*)	-	-

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

- (**) Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu

31/12/2013			
	Thuyết minh	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần đường Ninh Hòa	(i)	4.792.591.350	4.891.224.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai	(i)	42.963.244.800	42.963.244.800
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	(ii)	9.000.000.000	(ii)
		56.755.836.150	

- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa và Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.
- (ii) Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín là công ty chưa niêm yết có lợi nhuận trong năm. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường năng động không có sẵn cho công cụ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường năng động không có sẵn. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

33. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	2013 VND	2012 VND
Cần trừ thuế thu nhập doanh nghiệp dự phòng thiếu trong những năm trước với thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	22.169.504.924
Cần trừ tiền mua mía với lãi phải thu từ nông dân trồng mía	25.377.248.176	29.375.725.826
Vay tài sản ghi nhận trong hàng tồn kho (Thuyết minh 8 và thuyết minh 20)	60.083.475.900	215.019.000.000
Chi phí khấu hao được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn chạy thử của nhà máy Trị An và nhà máy Tây Ninh	18.454.849.500	-

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	2013 VND	2012 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công (*)		
Bán hàng hóa	221.841.231.097	51.414.917.702
Trả trước cho người bán	25.000.000.000	-
Cho vay	103.500.000.000	-
Lãi cho vay	1.386.425.295	-
Chi trả cổ tức	9.194.986.000	150.000.000
Mua cổ phiếu phát hành thêm	45.974.930.000	-
Phí tư vấn	1.621.090.910	-
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (**)		
Bán hàng hóa	34.223.736.928	3.188.429.301
Mua hàng hóa	6.505.781.144	10.859.500.590
Chi trả cổ tức	13.630.296.000	20.445.444.000
Mua cổ phiếu phát hành thêm	68.151.480.000	-
Trả trước cho người bán	22.591.096.355	-
Phí gia công	1.533.039.715	-
Phí thuê kho bãi	64.611.107	-
Tổng công ty Mía Đường II - Công ty TNHH Một Thành Viên		
Chi trả cổ tức	6.750.200.000	10.125.300.000

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

	2013 VND	2012 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (***)		
Vay	-	58.535.000.000
Chi phí lãi vay	-	3.224.265.400
Chi trả cổ tức	-	4.502.260.500
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hải Vi		
Bán hàng hóa	7.693.602.170	13.318.885.492
Mua hàng hóa	10.812.936.349	15.677.952.668
Thu lãi cho vay	396.671.693	-
Các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công		
Bán hàng hóa và dịch vụ	13.925.107.072	16.464.209.886
Mua hàng hóa và dịch vụ	99.457.846.762	115.746.123.823
Trả trước cho người bán	100.266.666.666	-
Thu nhập lãi từ trả trước cho người bán	12.520.800.787	-
Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Thù lao	1.102.083.333	1.110.000.000
Tiền lương và thưởng	5.166.012.617	5.156.114.768

- (*) Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại Thành Thành Công đã thay đổi tên pháp lý thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công.
- (**) Trong năm 2013, Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh đã thay đổi tên pháp lý thành Công ty Cổ phần Thành Thành Công Tây Ninh.
- (***) Các giao dịch chủ yếu với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín được trình bày là các giao dịch với các bên liên quan cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày thanh lý các khoản đầu tư vào ngân hàng này.

35. Cam kết**(a) Chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	873.647.415.586	714.078.323.171

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(b) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	3.486.489.810	2.889.732.790
Trong vòng hai đến năm năm	8.512.922.321	9.224.639.493
Sau năm năm	57.790.364.057	61.330.841.957
	69.789.776.188	73.445.214.240

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	2.219.797.955.170	1.948.033.477.090
Chi phí nhân công	138.489.815.592	135.670.746.255
Chi phí khấu hao và phân bổ	21.339.578.577	50.608.613.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	138.663.406.604	67.478.241.119
Chi phí khác	51.228.165.048	114.127.051.846

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ngô Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng



Thái Văn Chuyển
Chủ tịch